

Bản án số: 185/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21-02-2022

V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Bùi Diệu Huệ

Bà Lê Thị Tý

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Trúc Ly

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu- Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 02 năm 2022, tại Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:708/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24/01/2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:*

Bà Lại Thị Thu N, sinh năm: 1975; Địa chỉ: khu phố 8, phường T, quận B, Thành phố H.

*Bị đơn:*

Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1972; Địa chỉ: số 117/2/1 Hồ Văn L, khu phố 3, phường T, quận B, Thành phố H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn ly hôn ngày 08/4/2021, bản tự khai của bà Lại Thị Thu N trình bày: Bà và ông Nguyễn Thanh T là vợ chồng chung sống từ năm 1994, (theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Trị Đ, huyện B nay là phường B, quận B, Thành phố H, số 05 ngày 26/01/1994). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T có nhiều mối quan hệ bất chính bên ngoài dẫn đến không quan T chăm sóc gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, nhiều lần vợ chồng dẫn đến xô xát với nhau. Mặc dù, vợ chồng có ngồi lại nói chuyện nhưng không giải quyết được các mâu thuẫn tồn tại. Từ tháng 10/2020, vợ

chồng đã ly thân. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên bà xin ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 02 con chung Nguyễn Thanh H, sinh ngày 24/4/1994 đã thành niên và Nguyễn Thanh Phương N, sinh ngày 16/6/2004. Ly hôn bà xin nuôi cháu N và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: bà N tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: bà N khai không có.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: bà N có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Thanh T và theo xác minh của Công an phường Tân Tạo, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh "*Nguyễn Thanh T, sinh năm 1972 có hộ khẩu thường trú và thực tế cư trú tại 117/2/1 Hồ Văn Long, khu phố 3, phường T, quận B, Thành phố H*". Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tố tụng:

Do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét, bà N có đơn xin xét xử vắng mặt, còn phía ông T vắng mặt không lý do tại phiên tòa nên theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà N.

[3] Về nội dung:

[3.1] Bà Lại Thị Thu N và ông Nguyễn Thanh T có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Trị Đông, huyện Bình Chánh nay là phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, số 05 ngày 26/01/1994, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3.2] Xét yêu cầu của bà Lại Thị Thu N về việc xin ly hôn ông Nguyễn Thanh T vì lý do tình cảm không còn và mong muốn ổn định cuộc sống. Hội đồng xét xử nhận thấy; về hôn nhân: bà N và ông T kết hôn năm 1994, cuộc sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống hay cãi nhau. Từ tháng 10 năm 2020, vợ chồng đã ly thân. Trong quá trình xét yêu cầu của bà N, Tòa án đã tiến hành động viên bà N

về việc rút yêu cầu xin ly hôn, trở về đoàn tụ với ông T nhưng phía bà N cương quyết ly hôn. Về phía ông T, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng triệu tập ông T nhưng phía ông T không đến Tòa để cung cấp lời khai và các tài liệu chứng minh cho mình, chứng tỏ ông T không có thiện chí đoàn tụ hôn nhân, do đó Tòa án căn cứ vào tài liệu do phía nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án. Từ những phân tích và lập luận trên, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đời sống hôn nhân của vợ chồng bà N và ông T rơi vào tình trạng trầm trọng, không có sự tin tưởng, chia sẻ, cảm thông. Quan trọng hơn đó là ý chí không mong muốn đoàn tụ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N.

[3.3] Xét về con chung: bà N khai trong quá trình chung sống vợ chồng ông bà có 02 con chung là Nguyễn Thanh Hải, sinh ngày 24/4/1994 đã thành niên và Nguyễn Thanh Phương Nghi, sinh ngày 16/6/2004. Ly hôn, bà N xin nuôi cháu Phương Nghi và hiện nay cháu đang ở với bà N, phía ông T không đến Tòa, không thể hiện ý chí về việc nuôi con. Để ổn định cuộc sống của cháu Nghi tránh bị xáo trộn và cũng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Nghi nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của bà N về việc giao cháu Nghi cho bà N nuôi dưỡng.

[3.4] Về cấp dưỡng nuôi con: do bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về tài sản chung: bà N khai tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.5] Về nợ chung: bà N khai không có, ông T vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà N nộp tiền án phí theo quy định 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 21; Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51, 56, 57, 59 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lại Thị Thu N:**

- Về hôn nhân: cho bà Lại Thị Thu N ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh Phương Nghi, sinh ngày 16/6/2004 cho bà N nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông T do bà N không yêu cầu.

Ông T có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, bà N và ông T đều có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp do yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: bà N khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**3. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Bà N phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được căn trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0063836 ngày 08/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

**4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:** Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Nguyễn Thị Thanh Huyền**

